DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 2009***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** 27 ***tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng thử nghiệm Dệt may**
Laboratory:	***Textile Laboratory***
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	**Công ty TNHH Intertek Việt Nam**
Name of applicant Organization:	***Intertek Vietnam Ltd***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 275**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Cơ**
Field:	***Mechanical***
Người quản lý:	**Lê Thị Hồ Phương**
Laboratory manager:	***Le Thi Ho Phuong***
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**từ ngày** 27**/ 07 /2026 đến ngày 09 / 04 /2030**
Địa chỉ: *Address*:	**Tầng 3-4-6 tòa nhà Âu Việt, số 1 Lê Đức Thọ, Phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam** ***3rd, 4th, 6th floor, Au Viet Building, No. 01 Le Duc Tho Street, Tu Liem Ward, Hanoi City, Vietnam***
Địa điểm: *Location:*	**Tòa nhà S.O.H.O Biz, số 38 đường Huỳnh Lan Khanh, Phường Tân Sơn Hòa, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam** ***S.O.H.O Biz Building. No. 38 Huynh Lan Khanh Street, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam***
Điện thoại/ *Tel*:	**028 7305 1088**
Email:	**web.iao-vnm@intertek.com**
Website:	**www.intertek.vn**

Phòng thử nghiệm Dệt may
Textile Laboratory

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ**
Field of testing: ***Mechanical***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Vật liệu và sản phẩm dệt may** ***Textile materials and products***	Phân tích thành phần sợi *Fiber analysis*		AATCC TM20A:2025 (a)
2.		Thử độ bền màu với ma sát *Test for colour fastness to rubbing or crocking*	Cấp 1 ~ 5 *Grade 1 ~ 5*	JIS L0849:2024 (a)
3.		Thử độ bền màu ánh sáng nhân tạo - Phép thử bằng đèn xenon *Test for colour fastness to artificial light - Xenon arc lamp*	Cấp 1 ~ 8 *Grade 1 ~ 8* hoặc/ *or* Cấp L2 ~ L9 *Grade L2 ~ L9*	JIS L 0843:2024 (a)
4.		Thử độ bền màu với nước biển *Test for colour fastness to sea water*	Cấp 1 ~ 5 *Grade 1 ~ 5*	AATCC TM106:2025 (a)
5.		Thử độ kháng vết bẩn *Test for Soil release*	Cấp 1 ~ 5 *Grade 1 ~ 5*	AATCC TM130:2025 (a)
6.		Xác định khối lượng vải trên đơn vị chiều dài hoặc đơn vị diện tích *Determination of mass per unit length or mass per unit area*	-	ASTM D3776/ D3776M-20(2025) (a)
7.		Xác định độ bền đứt và độ dãn đứt của vải – bằng phương pháp grab *Determination of tensile strength and elongation - grab method*	Lực lớn nhất: 5000 N *Maximum force: 5000 N*	ASTM D5034-21(2025) (a)
8.		Xác định độ bền xé rách – theo phương pháp Elmendorf tear *Determination of tearing strength – Elmendorf method*	Lực lớn nhất: 128 N *Maximum force: 128 N*	ASTM D1424-25 (a)
9.		Xác định độ giãn và phục hồi của vải khổ hẹp *Determination of stretch and recovery of narrow fabrics*	-	ISO 20932-3:2018 / Amd 1:2025 (a) BS EN ISO 20932-3:2020 + A1: 2025 (a)
10.		Xác định độ bền lớp ép, lớp phủ và vải dán ép *Determination of bond strength of bonded, fused, and laminated apparel fabrics*	Lực lớn nhất: 5000 N *Maximum force: 5000 N*	ASTM D2724-19(2025)e1 (a)
11.		Thử độ kháng xước móc của vải – phương pháp Mace Snag *Snagging resistance test-Mace Snag method*	Cấp 1 ~ 5 *Grade 1 ~ 5*	ASTM D3939/D3939M – 26 (a)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
12.	**Vật liệu và sản phẩm dệt may** ***Textile materials and products***	Thử độ bền mài mòn của vải nhung *Pile fabric abrasion test*		ASTM D4685/D4685M-2025 (a)
13.		Thử độ chống thấm ướt bề mặt (phép thử phun tia) *Water repellency – Spray test*	Cấp (ISO 1 ~ 5 hoặc AATCC 0 ~ 100) *Rating (ISO 1 ~ 5 or AATCC 0 ~ 100)*	AATCC TM22-2024 (a) JIS L1092-2025 (a)
14.		Thử độ thẩm thấu nước *Absorbency test*		AATCC TM79-2025 (a)
15.		Xác định khả năng kháng nước – Thử nghiệm áp lực thủy tĩnh *Determination of the resistance to water penetration - Hydrostatic Pressure Test*		JIS L1092-2025 Section 7.1 Method A (a)
16.		Thử tính cháy của vật liệu dệt *Flammability test of general clothing textiles*		ASTM D1230-2025 (a)
17.		Xác định độ xiên lệch của vải *Determination of bow and skewness*		ASTM D3882-08(2025) (a)
18.		Xác định sự thay đổi kích thước sau giặt *Determination of dimensional stability after washing*		AATCC TM135-2025 (Fabric) (a) AATCC TM150-2025 (Garment) (a)
19.		Đo độ vặn xoắn sau giặt *Measurement of skewness/ spirality after home laundering*	-	AATCC TM179-2025 (a) AATCC TM207-2025 (a)
20.		Quy trình chuẩn bị hàng dệt trước khi thử nghiệm độ truyền tia cực tím (UV) *Standard Practice for preparation of textiles prior to Ultraviolet (UV) transmission testing*		ASTM D6544-25 (a)
21.		Xác định độ bền khóa kéo *Determination of Zip fasteners strength*	Lực lớn nhất: 5000 N *Maximum force: 5000 N*	EN 16732: 2025 (a) BS EN 16732: 2025 (a)
22.	**Giày thành phẩm** ***Footwear finished products***	Xác định lực bóc tách giữa các lớp vật liệu *Determination of Sole Bond Peeling Strength*	Đến/*to*: 500 N/mm	SATRA TM 411:2025 (a)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
23.	**Giày thành phẩm** ***Footwear finished products***	Xác định độ bền quai kẹp của giày sandal *Determination of Strength of Sandal Toe Posts*	Lực lớn nhất: 5000 N *Maximum force: 5000 N*	SATRA TM 118:2025 (a)
24.	**Vật liệu da** ***Leather materials***	Xác định lực kéo căng và độ giãn tại điểm đứt *Determination of Tensile Strength and Elongation of Leather*	Lực lớn nhất: 5000 N *Maximum force: 5000 N*	ASTM D2209:2025 (a)
25.		Xác định độ bền xé rách Phương pháp Baumann (Phương pháp xé đôi) *Determination of Tear Strength Baumann method*	Lực lớn nhất: 5000 N *Maximum force: 5000 N*	ISO 3377-2:2025 (a) EN ISO 3377-2:2025 (a) BS EN ISO 3377-2:2025 (a)
26.		Thử độ bền màu da giày đối với dung dịch mồ hôi *Test for Color Fastness to Perspiration*	Cấp 1 ~ 5 *Grade 1 ~ 5*	ISO 11641:2025 (a) EN ISO 11641:2025 (a) BS EN ISO 11641:2025 (a)
27.		Thử độ bền màu da giày đối với nước *Test for Color Fastness to Water*	Cấp 1 ~ 5 *Grade 1 ~ 5*	ISO 11642:2025 (a) EN ISO 11642:2025 (a) BS EN ISO 11642:2025 (a)
28.	**Vật liệu cao su** ***Rubber materials***	Xác định độ lão hóa của cao su – Sự đổi màu do thời tiết trên các bề mặt màu sáng *Method for rubber deterioration - discoloration from weathering of light-colored surfaces*	Cấp 1 ~ 5 *Grade 1 ~ 5*	ASTM D1148-25 (a)
29.	**Vật liệu và sản phẩm dệt may** ***Textile materials and products***	Xác định thời gian hấp thụ nước và khả năng hấp thụ nước *Determination of water absorption time and water absorption capacity of textile fabrics*		ISO 20158: 2018 (b)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
30.	**Vật liệu sợi dệt** ***Textile yarns***	Xác định độ săn của sợi theo phương pháp tở ra - xoắn vào *Twist in Single Spun Yarns by the Untwist-Retwist method*		ASTM D1422/ D1422M-13(2020) (b)
31.		Xác định độ săn của sợi theo phương pháp đếm trực tiếp *Twist in Yarns by Direct-Counting method*		ASTM D1423/ D1423M-16(2022) (b) ISO 2061: 2015 (b)
32.		Xác định độ nhỏ (độ mảnh) sợi theo phương pháp con sợi *Linear Density of Yarn (Yarn Number) by the Skein method*		ASTM D1907/ D1907M-12(2025) (b) ISO 2060:1994 (b)
33.		Độ bền đứt và độ dãn đứt của sợi theo phương pháp sợi đơn *Tensile Properties of Yarns by the Single-Strand method*	Lực lớn nhất: 5000 N *Maximum force: 5000 N*	ASTM D2256/ D2256M-21 (b) ISO 2062:2009 (b)
34.	**Vật liệu chỉ may** ***Sewing threads***	Xác định độ mảnh chỉ may *Determination of yarn number*		ASTM D204-02(2021) – Section 7-13 (b)
35.	**Vật liệu chỉ may** ***Sewing threads***	Xác định độ bền đứt và độ dãn đứt của chỉ theo phương pháp sợi đơn *Determination* breaking *force and elongation of sewing threads by single strand method*	Lực lớn nhất: 5000 N *Maximum force: 5000 N*	ASTM D204-02(2021) – Section 15-20 (b)
36.	**Vật liệu chỉ may** ***Sewing threads***	Xác định độ săn và chiều săn của chỉ may *Determination of the amount and direction of twist*		ASTM D204-02(2021) – Section 22-26 (b)
37.	**Vật liệu và sản phẩm dệt may** ***Textile materials and products***	Xác định độ bền kéo đứt đường may Phương pháp grab *Determination of seam tensile strength* *Grab method*	Lực lớn nhất: 5000 N Maximum force: 5000 N	ISO 13935-2: 2026 (a) EN ISO 13935-2: 2026 (a) BS EN ISO 13935-2: 2026 (a)

Chú thích/ ***Note:***

- SATRA TM: tiêu chuẩn da giày SATRA/ *Shoe and Allied Trades Research Association Test Method*
- ASTM: ASTM International (tên cũ là Hội thử nghiệm và vật liệu Hoa Kỳ)/ *ASTM International (formerly the American Society for Testing and Materials)*
- BS EN: Tiêu chuẩn Vương quốc Anh/tiêu chuẩn châu Âu/*British Standard European Norm*

- EN: tiêu chuẩn châu Âu/ *European Norm*
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa Quốc tế/*International Organization for Standardization*
- AATCC: Hội các nhà hóa dệt và nhuộm dệt Hoa Kỳ/*American Association of Textile Chemists and Colorists*
- JIS L: tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản cho kỹ thuật dệt may/ *Japanese Industrial Standards for Textile Engineering*
- (a): cập nhật phương pháp thử đã được công nhận trong quyết định số 1240/QĐ-VPCNCLQG ngày 13/5/2025/*update methods were accredited according to 1240/QĐ-VPCNCLQD dated 13/5/2025.*
- (b): phép thử mở rộng 7/2026/ *expansion method on July, 2026*

Trường hợp Công ty TNHH Intertek Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty TNHH Intertek Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Intertek Vietnam Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*